

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG - SỰ TIẾP CẬN LÝ THUYẾT

TRẦN HỒNG HẠNH

Tri thức “địa phương”, “bản địa” hay “truyền thống” thường được những người làm công tác phát triển biết đến và xem xét để tìm kiếm các giải pháp cho các vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn. Các giải pháp đ-ợc đề cập đôi khi không ăn khớp với tri thức của ng-ời dân vốn có thể gợi ý những sự lựa chọn tốt hơn cho một dự án phát triển. Nh- một minh chứng cụ thể cho điều này, nhằm xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an toàn l-ợng thực và cải thiện mức sống của ng-ời dân, đặc biệt là các dân tộc thiểu số ở các vùng miền núi, nhiều chính sách và dự án phát triển đã đ-ợc thực hiện tại nhiều n-ớc thuộc thế giới thứ ba. Bên cạnh những thành công đáng kể, nhiều dự án phát triển đã bị thất bại hoặc không đạt hiệu quả cao. Có nhiều nguyên nhân, cả về mặt khách quan lẫn chủ quan của sự việc này; trong đó, việc bỏ qua các tri thức địa ph-ợng (TTĐP) của ng-ời dân trong thiết kế và thực hiện các dự án phát triển là một trong các nguyên nhân quan trọng.

Theo WCED (1978), hậu quả của việc bỏ qua hoặc nhìn nhận sai lệch TTĐP của c- dân địa ph-ợng và sự tham dự của họ vào các dự án nghiên cứu và phát triển khiến cho một số kế hoạch vĩ mô của quốc gia th-ờng thất bại trong quá trình thực hiện và quản lý ở cấp địa ph-ợng. Những phát triển dựa trên các kế hoạch đ-ợc xây dựng mà không có sự tham dự đã gây ra một sức ép lớn về đất đai, n-ớc, rừng và các nguồn tài nguyên khác trên hành tinh của chúng ta. Tình trạng này đã làm tăng sự nghèo đói và suy thoái môi tr-ờng (Hoàng Xuân Tý. 1998: 27). T-ong tự nh- vậy, Jamieson, Lê Trọng Cúc, và Rambo (1998) cũng chỉ ra rằng TTĐP th-ờng bị tảng lờ khi xây dựng các dự án phát triển. Những ng-ời lập kế hoạch và các kỹ thuật viên có xu h-ớng tập trung nhiều hơn vào các công nghệ hiện đại, vốn th-ờng đ-ợc đ-a vào từ nơi khác, hơn là các TTĐP, vốn bị coi là “cổ xưa”. Các chuyên gia và những ng-ời lập kế hoạch th-ờng không bao giờ hỏi ý kiến của ng-ời dân địa ph-ợng khi lập dự án. Kết quả là một vài dự án đã bị thất bại (chẳng hạn nh- phát triển việc trồng cây quế ở vùng núi

cao của tỉnh Quảng Ngãi, trồng cây hồi ở tỉnh Lạng Sơn, hay trồng cây lúa cho năng suất cao ở một số vùng Tây Nguyên...). May thay, trong những năm gần đây, các kết quả phủ xanh đã đ-ợc cải thiện do hầu hết đất rừng đã đ-ợc cấp cho ng-ời nông dân - những ng-ời biết rõ loại cây bản địa nào nên đ-ợc trồng trong điều kiện nào (Jamieson, Lê Trọng Cúc, và Rambo. 1998: 14).

Tình trạng t-ong tự cũng xảy ra ở nhiều n-ớc đang phát triển khác thuộc châu □ và châu Phi. Louise (1996) chỉ ra rằng công nghệ mới và cuộc cách mạng xanh đ-ợc áp dụng ở nhiều n-ớc đã dẫn đến suy thoái môi tr-ờng và kinh tế. Cách tiếp cận khoa học và công nghệ ph-ợng Tây không đủ để đáp ứng những quan niệm đa dạng và phức tạp của ng-ời dân cũng nh- các thách thức hiện nay về kinh tế - xã hội, chính trị, và môi tr-ờng mà chúng ta đang phải đ-ong đầu (Hoàng Xuân Tý. 1998: 26). Trong một nghiên cứu của Richards tại Tây Phi, ông nhận xét rằng phần lớn các nghiên cứu khoa học về trồng trọt đã đ-ợc tiến hành tại các vùng ôn đới, và tri thức này đôi khi đã chứng tỏ một sự chỉ dẫn tồi, hoặc lầm đ-ờng, về các khó khăn mà những ng-ời nông dân ở vùng nhiệt đới phải đối mặt. Các kỹ thuật của ng-ời nông dân Tây Phi trong một thời gian dài không đ-ợc coi trọng. Chúng bị coi là đặc biệt “cổ xưa” và “nguyên thủy” vì họ hướng đến việc đồng hành với sự đa dạng tự nhiên, hơn là gạt bỏ sự đa dạng này sang một bên. Theo ông, mỗi vùng có một đặc điểm sinh thái riêng. Vì vậy, không thể áp đặt một cách máy móc các nghiên cứu của vùng này lên một vùng khác có các điều kiện tự nhiên, môi tr-ờng và xã hội khác với nó (Richards. 1989: 41-42). Việc quay lại với kinh nghiệm và ph-ợng thức sản xuất truyền thống của c- dân ở Bangladesh sau một thời gian dài ứng dụng công nghệ hiện đại và cách mạng xanh là một minh chứng đầy sức thuyết phục về tác động tiêu cực của công nghệ hiện đại ph-ợng Tây (xem thêm: Akhter. 2001).

Nh- vậy, tr-ớc khi công nghệ ph-ợng Tây đ-ợc áp dụng ở nhiều n-ớc đang phát triển, c-

dân địa ph-ong đã có các cách riêng để sản xuất l-ong thực, quản lý cuộc sống th-ờng ngày và bảo vệ môi tr-ờng. Việc nhận diện TTĐP và vai trò của nó trong đời sống của ng-ời dân vẫn luôn là một chủ đề nghiên cứu của nhân học. Câu hỏi liệu ng-ời dân quan niệm thế nào về thế giới và hành động ra sao trong mối liên hệ đến tri thức của họ cũng vì vậy đ-ợc đặt ra. Cũng trong quá trình nghiên cứu vấn đề này, đã có rất nhiều quan niệm khác nhau về hệ tri thức của ng-ời dân, bao gồm tri thức "bản địa", "truyền thống" và "địa phương", và việc sử dụng chồng chéo các khái niệm này. Bài viết này có thể đ-ợc coi là sự tổng hợp b-ớc đầu các nghiên cứu liên quan đến việc nhận diện hệ thống tri thức của ng-ời dân và cách tiếp cận nó trong các nghiên cứu phát triển.

1. Khái niệm tri thức địa ph-ong

Tri thức địa ph-ong đ-ợc xác định là các hệ thống phân loại nền tảng về mặt trí tuệ lẫn khoa học, và là "sự logic của thực tế" (Lévis-Strauss. 1969, 1979); sự hiểu biết thông th-ờng - một khung suy nghĩ đặc biệt và khác nhau qua từng vùng (Geertz. 1975, 1983, 1993); các cách thức suy nghĩ và thực hành một cách logic (Evans-Pritchard. 1963); các hệ thống kiến thức và thực hành đ-ợc phát triển qua các thế hệ, trong sự độc nhất về một lĩnh vực cụ thể tới một nền văn hoá hay một xã hội riêng biệt, và là nền tảng thông tin của một xã hội (Warren, 1989; 1995).

Quan tâm về nông nghiệp và cách thức ng-ời dân thực hành nông nghiệp, một số học giả đã xem xét TTĐP chủ yếu d-ới khía cạnh của lĩnh vực này. Vì vậy, các khái niệm về TTĐP mà họ đ- ra th-ờng liên quan chặt chẽ đến sản xuất nông nghiệp của ng-ời nông dân. Richards định nghĩa TTĐP là một sự ám chỉ về sức mạnh sản xuất của ng-ời nông dân trong một bối cảnh nhất định (Richards. 1985). Poltanee nhận xét rằng "sự thực hành và các kiến thức của các nông dân quan hệ chặt chẽ với hệ thống nông nghiệp địa ph-ong, đ-ợc coi là quý giá, có lý và phù hợp nhất với hoàn cảnh sống của họ...Các kiến thức bản địa của họ đã cung cấp cho họ một sự phong phú về các thông tin vô cùng quý giá và có sức sáng tạo" (Poltanee. 1992). Bên cạnh đó, trong các ấn phẩm mô tả dân tộc học Việt Nam đ-ợc xuất bản chủ yếu trong những năm 1970 và

1980, TTĐP được nhắc đến như các "phong tục tập quán". Đây cũng là một trong hai sự phân loại chính về TTĐP của Ambler (1996). Theo ông, loại đầu tiên có thể đ-ợc gọi là "kiến thức về kỹ thuật", và loại thứ hai liên quan đến "luật tục", "phong tục", hoặc "thói quen". Các kiến thức về kỹ thuật của những ng-ời sống ở vùng cao liên quan đến các hiểu biết chi tiết về độ ẩm của một địa ph-ong, triển vọng tự nhiên về đất đai, kỹ thuật trồng trọt, sự lựa chọn hạt giống, kiến thức về các loại thực, động vật khác nhau. Trong khi đó, "phong tục" và "thói quen" cũng có thể xác nhận các luật tục, chẳng hạn như nguồn n-ớc nào có thể đ-ợc sử dụng làm n-ớc t-ới cho đất trồng trọt, ai đ-ợc phép khai thác khu rừng nào, có bao nhiêu con trâu, bò đ-ợc phép gặm cỏ ở một bãi cỏ t-, và kỹ thuật trồng trọt nào sẽ đ-ợc chấp nhận (Ambler. 1996: 36-37, 39).

Trong một ý nghĩa hẹp hơn, TTĐP đ-ợc đề cập đến với t- cách là kiến thức đại chúng và kiến thức dân gian (Brush. 1996: 4), hay một nền văn hoá dân gian (Ngô Đức Thịnh. 1995). Theo tác giả Ngô Đức Thịnh, tri thức dân gian, một tri thức phi tr-ờng học là một tổng hoà các kinh nghiệm đ-ợc loài ng-ời tích lũy qua quá trình hoạt động lâu dài nhằm thích nghi và thay đổi cùng với môi tr-ờng tự nhiên và xã hội theo cách có thể đem lại cho họ các lợi ích vật chất và tinh thần. Kho tàng tri thức này đã tồn tại và phát triển không phải qua sự học hỏi sách vở, mà chủ yếu thông qua sự truyền đạt trực tiếp, qua trí nhớ, các thành ngữ, châm ngôn, tục ngữ và thông qua sự tác động qua lại trong lao động hàng ngày và các hoạt động mang tính nghề nghiệp khác của các ng- dân, nông dân, ng-ời chăn nuôi và thợ thủ công...(Ngô Đức Thịnh. 1995). Nguyễn Văn Tr-ờng cho rằng TTĐP bắt nguồn từ các kinh nghiệm của ng-ời dân để cố gắng sinh tồn trong một hệ thống sinh thái không bền vững, buộc phải sửa đổi và phát triển hơn nữa.

Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) cũng đặt tri thức bản địa (TTBĐ) và văn hoá dân gian (VHDG) trong phạm vi trực thuộc của TTĐP và TTĐP đ-ợc coi là một bộ phận của di sản. Theo WIPO, TTĐP cũng đ-ợc hiểu là có mối quan hệ gần gũi với thuật ngữ chung về sự kế thừa, bộc lộ diện mạo của VHDG. Những điều này cũng đ-ợc

hiểu là các cách thức diễn đạt văn hoá vốn phản ánh các khái niệm văn hoá của một cộng đồng (WIPO. 2000: 26). WIPO đề cập tiếp rằng, các hệ thống kiến thức, bao gồm tất cả các loại kiến thức khoa học, các kiến thức về nông nghiệp, công nghệ và sinh thái, đ-ợc xác định là một trong các động sản văn hoá - điều này cũng đồng nghĩa với một khía cạnh của di sản văn hoá (2000: 27). Việc coi tri thức là một khía cạnh của văn hoá cũng đ-ợc tổ chức UNESCO thừa nhận khi tổ chức này nhận diện khái niệm văn hoá.

Khái niệm về TTĐP, TTĐ và tri thức truyền thống (TTTT) th-ờng đ-ợc sử dụng đối lẫn cho nhau. Trong một nghiên cứu về các khái niệm và vai trò của TTĐ, Hoàng Xuân Tý đã đồng nhất khái niệm của ba hệ tri thức này (1998: 11). Tuy nhiên, trên thực tế, có chút khác biệt giữa chúng. Trong một nghiên cứu của Mugabe (1998), ông đã chỉ ra sự khác nhau giữa TTĐ và TTTT. Theo ông, “TTĐ là tri thức đ-ợc duy trì và sử dụng bởi một nhóm ng-ời dân, những ng-ời tự nhận là ng-ời bản xứ của một địa ph-ơng dựa trên cơ sở kết hợp sự khác nhau về văn hoá và sự chiếm giữ lãnh thổ tr-ớc tiên liên quan tới số dân mới di c- đến trong một thời gian gần đây, với sự khác biệt của chính bộ phận này và nền văn hoá có ảnh h-ởng lớn. TTTT, mặt khác, là tri thức đ-ợc duy trì bởi các thành viên của một nền văn hoá khác biệt và/hoặc đôi khi đạt đ-ợc bằng cách h-ớng đặc biệt tới nền văn hoá đó và liên quan đến chính nền văn hoá và môi tr-ờng địa ph-ơng mà nó tồn tại”. Ông kết luận rằng “TTĐ ăn khớp rõ ràng với sự phân loại TTTT, nh-ng truyền thống không tự động là bản địa”. Vì vậy, TTĐ đ-ơng nhiên là TTTT, nh-ng TTTT không nghiêm nhiên là TTĐ. Do đó, TTTT là tổng hợp tất cả các kiến thức và thực hành, dù là hiện hữu hay tiềm ẩn, đ-ợc sử dụng để giải quyết các nhân tố kinh tế - xã hội và sinh thái của cuộc sống (Mugabe. 1998: 4). Keyes gợi ý rằng các hệ thống TTĐ đã tạo ra suy nghĩ thực hành. Suy nghĩ thực hành nghĩa là cách con ng-ời phát triển các ý t-ởng, quan niệm và quan điểm nhằm thực hiện các hoạt động th-ờng ngày của họ. Chính suy nghĩ thực hành có sự thúc đẩy trong nhu cầu cấp bách của cuộc sống để sản xuất l-ơng thực...(Keyes. 1999: 1-2). Nh- vậy, để

nhận biết thế nào là TTĐ và TTTT thì đầu tiên phải xác định ng-ời sở hữu nguồn tri thức đó là “bản địa” hay “truyền thống”. Đây lại là một vấn đề khá phức tạp của các nhà khoa học nghiên cứu về dân c-, dân số và dân tộc. Bên cạnh đó, các tiêu chí, trong đó có các tiêu chí về thời gian, để xác định tính “bản địa” hay “truyền thống”, và rộng hơn là “địa phương” cũng cần được đặt ra. Vấn đề cư dân “bản địa”, “truyền thống”, hay “địa phương” sẽ được đề cập trong phần tiếp sau của bài viết này bàn về mối quan hệ giữa tri thức và ng-ời dân.

Trong nỗ lực phân biệt giữa tri thức “bản địa” và “địa phương”, Laungaramsri trình bày rằng, TTĐ th-ờng liên quan đến TTTT. Vì vậy, cô đã không phân biệt rõ ràng giữa TTĐ và TTTT. Chúng đ-ợc nh- đ-ợc coi là đồng nghĩa với nhau. Trong khi đó, TTĐP đ-ợc xác định là tri thức, bao gồm cả kiến thức hiện đại, mà ng-ời dân ứng dụng và sau đó thích nghi với thế giới hiện đại của họ. Trong nghiên cứu của cô, TTĐP bao gồm cả các kiến thức chung (thông th-ờng) và những kiến thức riêng bởi nó gồm sự t-ơng tác giữa dạng tri thức “dân tộc” và “hiện đại” (Laungaramsri. 2001: 6-7). Định nghĩa TTĐP của Laungaramsri đ-ợc nh- trùng hợp với định nghĩa TTTT của Correa. Theo Correa, TTTT bao gồm những thông tin về các kiểu loại và các chức năng khác nhau đ-ợc phát triển trong quá khứ và tiếp tục đ-ợc cải thiện và thích nghi. Nó có thể đ-ợc thể hiện d-ới dạng thành văn và không thành văn. Nó cũng có thể có giá trị th-ơng mại tùy theo triển vọng và tính thông dụng của nó (Correa. 2001: 4). Đặc tính truyền khẩu của loại tri thức này cũng đ-ợc Agrawal nói đến trong nghiên cứu của ông (1995: 418). Tóm lại, có thể thấy rằng luôn luôn có sự chuyển đổi từ TTĐ sang TTTT, rồi đến TTĐP.

Tình trạng sử dụng chồng chéo các khái niệm tri thức “bản địa”, “truyền thống” hay “địa phương” là khá phổ biến và dễ hiểu. Mugabe, trong nghiên cứu của mình, cũng đề cập đến sự nỗ lực của các nhà nghiên cứu để phân biệt sự khác nhau giữa các hệ tri thức này, nh-ng kết quả là vẫn ch-a có sự thống nhất về định nghĩa chúng. Ông viết: “đã có rất nhiều nỗ lực khác nhau để xác định quan niệm về TTTT, TTĐ, và c- dân bản địa, nh-ng trong một chừng mực nhất

định thì vẫn ch-a có một định nghĩa nào đ-ợc toàn cầu chấp nhận”. Ông cũng nhận thấy, mỗi ng-ời đều có một định nghĩa riêng của mình tùy thuộc vào sự tin t-ởng vào trí tuệ và mối quan tâm nghề nghiệp của chính ng-ời đó (Mugabe. 1998). Tán thành những khó khăn và sự khác biệt trong việc định nghĩa các hệ thống tri thức này, WIPO cho rằng “các thuật ngữ là không trung lập, và sự lựa chọn một thuật ngữ là không tùy tiện mà cũng không hoàn toàn xác đáng. Sự lựa chọn thuật ngữ có thể đ-ợc coi nh- sự gửi đi các thông tin hoặc các đánh giá nào đó, ngay cả khi điều này không có chủ ý” (WIPO. 2002).

Tri thức của ng-ời dân khác tri thức chính quy và tri thức chuyên gia vốn đ-ợc nhận diện là sự tiến bộ và uyên thâm của khoa học, chuyên nghiệp và tri thức của các xã hội ph-ơng Tây và phi ph-ơng Tây (Brush. 1996: 4). Hoàng Xuân Tý cũng đồng suy nghĩ với Brush. Ông cho rằng tri thức hàn lâm chủ yếu đ-ợc các nhà khoa học sáng tạo ra, đ-ợc sách hệ thống hoá và chuyển giao. Trong khi đó, tri thức của các cộng đồng ng-ời dân bản xứ đ-ợc tạo dựng trực tiếp từ quá trình lao động của c- dân. Nó dần dần đ-ợc hoàn thiện và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua sự truyền miệng trong gia đình, làng xóm hoặc thông qua tục ngữ, sử thi và các luật tục...(Hoàng Xuân Tý. 1998: 12). Có ng-ời còn cho rằng, nó hình thành qua sự “dò dẫm trong đêm tối”, chứ không qua sự trải nghiệm có hệ thống (Lê Trọng Cúc. 1995: 20; 1996: 27), hoặc thông qua sự mã hoá của ngôn ngữ nói (chứ không phải thành ngôn ngữ văn bản và sử dụng bộ máy giác quan (đặc biệt là dạng hình) (Elwert và Séhouéto. 1999: 238).

Trong các tài liệu, tri thức của ng-ời dân nông thôn (hay TTĐP) đ-ợc suy xét theo ba cách tương phản. Thứ nhất, tri thức này bị coi là “lạc hậu”, “phi khoa học”, và “sai”... Nghiên cứu chính quy và lớp đại học mở rộng¹ nên “đào tạo”, “hướng dẫn” và thay đổi các chiến lược sản xuất và nguồn sống của ng-ời dân vùng nông thôn, nhằm “phát triển” và “hiện đại hoá” họ. Thứ hai, tri thức này là một nguồn quý giá và ít đ-ợc sử dụng, cần được nghiên cứu sâu và rộng, và “kết hợp chặt chẽ với nghiên cứu chính quy và sự thực

hiện lớp mở rộng nhằm làm cho các chiến l-ợc phát triển nông nghiệp và nông thôn “bền vững” hơn. Thứ ba, tri thức này không phải là khoa học ph-ơng Tây - vốn được xem là “các phần cốt” hay “những thân chính” duy nhất của tri thức. Thay vào đó, chúng đại diện cho các khoa học luận đa chiều t-ơng phản, đ-ợc sản sinh trong các khung cảnh sinh thái - nông nghiệp, văn hoá - xã hội, kinh tế - chính trị cụ thể. Sự t-ơng tác của tri thức của ng-ời nông dân nông thôn khiến cho nghiên cứu hiện thời và thực hành mở rộng buộc phải chỉ ra các vấn đề cơ bản về năng lực và nhu cầu trong phát triển (Scoones và Thompson. 1994: 17-18).

Hiển nhiên là tri thức của ng-ời dân địa ph-ơng hoặc c- dân truyền thống hay c- dân bản địa có một vài hạn chế. Hội thảo IDS² (1989: 37) đã tập hợp các hạn chế của TTBD trong một mô tả d-ới đây:

- TTBD và khả năng đổi mới đ-ợc phân bố không đồng đều trong các cộng đồng.
- Khả năng tạo ra, thực hiện và trao truyền TTBD của các cá nhân rất khác nhau.
- Các nhóm xã hội và sự phân tầng về kinh tế tác động đến loại hình và quy mô của TTBD trong các xã hội nông thôn (chẳng hạn, nhìn chung các cá nhân giàu có hơn có thể đổi mới nhiều hơn, những ng-ời nghèo hơn thì buộc phải đổi mới bởi nghèo đói (Swift. 1979).
- Việc chuyển tải và sử dụng thông tin đôi khi bị c-ỡng ép và mắc lỗi nghiêng về nơi mà nó buộc phải đ-ợc l- u hành bằng lời và đ-ợc những ng-ời đứng đầu việc thực hành l- u giữ lại.
- Nơi phát huy sự mở mang kiến thức từ TTBD “thuần túy” đã bị hạn chế bởi những thứ có thể đ-ợc thực hiện bằng tiền vốn kỹ thuật chung, các nguồn nguyên liệu và gen của địa ph-ơng, cộng thêm tất cả những gì chột nẩy sinh.
- Nhiều khả năng về gen không đ-ợc tận dụng trong hệ thống không chính thức, chẳng hạn nh- sự lai tạo giống cây trồng tự thụ phấn ở những nơi cần đến các kỹ thuật gây giống cây trồng đặc biệt.

² IDS: Viện Nghiên cứu Phát triển, Đại học Sussex, Brighton, East Sussex, BN1 9RE, Anh.

¹ Cũng có thể bao gồm các khoá học buổi tối.

- Cuối cùng là TTBD có thể bị phá vỡ khi ng-ời dân phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng về môi tr-ờng hoặc sự can thiệp bên ngoài (Farrington và Martin. 1987).

Ngoài ra, những hạn chế khác của TTBD cũng đ-ợc Hoàng Xuân Tý (1998) đề cập đến trong các nghiên cứu của ông về hệ thống tri thức này. Theo ông, một hạn chế khác của TTBD là: do đặc tính địa ph-ong của TTBD cao nên khó phổ biến một cách rộng rãi TTBD của vùng này sang vùng khác. Đồng suy nghĩ về hạn chế cuối cùng của TTBD mà hội thảo IDS đ-a ra, ông cho rằng nhiều TTBD không còn phù hợp với tình hình xã hội hiện thời và môi tr-ờng thay đổi hiện nay (Hoàng Xuân Tý. 1998: 25). Có lẽ vì vậy mà tri thức của ng-ời dân luôn luôn động, chuyển đổi và thích nghi với điều kiện môi tr-ờng và xã hội thay đổi. Để rồi dần dần, trong quá trình tiếp xúc với các nguồn tri thức khác từ bên ngoài vào, TTBD đã phát triển thành TTTT, và xa hơn nữa là TTĐP.

Sự mâu thuẫn giữa hai hệ tri thức “địa phương” và “hiện đại”, không ngăn cản tính lỏng lẻo và thẩm thấu của ranh giới tri thức và văn hoá bởi vì cả hai hệ tri thức này đều chứa đựng các phần có thể chấp nhận đ-ợc của một hệ thống khác. Vì vậy, TTĐP với t- cách là sự hiểu biết thông th-ờng đ-ợc xem nh- một hệ thống văn hoá (Geertz. 1983), hoặc các nền văn hoá truyền thống (Lê Trọng Cúc. 1996: 21). T-ong tự nh- vậy, Trần Bình cũng chỉ ra rằng tri thức về các hoạt động kinh tế đ-ợc coi nh- một phần của các hệ thống văn hoá của các dân tộc. Do sống ở các môi tr-ờng địa ph-ong khác nhau nên mỗi dân tộc có ứng xử riêng để tồn tại và phát triển. Thậm chí, mặc dù họ chia sẻ cùng một môi tr-ờng sống nh-ng mỗi dân tộc lại có cách nghĩ và hành động riêng (Trần Bình. 2001: 6).

Chính nhờ việc coi TTBD là tri thức văn hoá nên các TTBD về khía cạnh kỹ thuật đã trở thành các tri thức của ng-ời dân nông thôn (hay TTĐP). Theo Richards (1985, 1986), Moock và Rhoades (1992), tri thức văn hoá đã sản sinh và tái sinh ra sự hiểu biết lẫn nhau và đặc tính chung của các thành viên của một cộng đồng nông nghiệp, nơi các kỹ thuật địa ph-ong, các kỹ năng và các năng lực đ-ợc kết nối chặt chẽ với các kiến thức phi kỹ thuật (chẳng hạn nh- các

nhân tố văn hoá, sinh thái học và xã hội học) (Scoones và Thompson. 1994: 18).

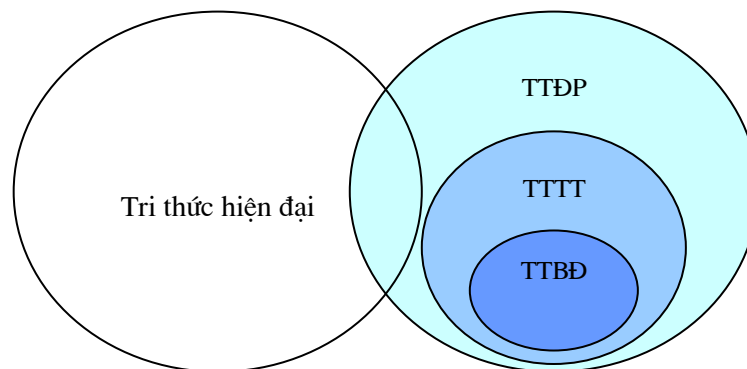
Một câu hỏi quan trọng đ-ợc hội thảo IDS đặt ra là làm thế nào để giải quyết TTBD vốn d-ờng nh- nhuốm về thân thoại và mê tín dị đoan. Mặc dù các nhà khoa học có thể l-u tâm đến sự can thiệp của ng-ời nông dân, chẳng hạn nh- cái cuộc đ-ợc thay đổi đã tiết kiệm sức lao động, nh-ng họ có thể chế nhạo một ý kiến cho rằng mặt trăng ảnh h-ởng đến sự thay đổi của cây cối hoặc sự phun có thể khuyến khích cây ra quả bởi vì những điều này hoàn toàn không có ý nghĩa đối với họ. Thậm chí những ý kiến nh- vậy còn tiếp sức cho các nhà khoa học gạt bỏ TTĐP - bị coi nh- là một thứ vô dụng (Hội thảo IDS. 1989: 36). Sở dĩ có điều đó vì họ th-ờng chỉ dựa vào các kết quả nghiên cứu khoa học của nhân loại. Một điều đặc biệt khác nữa là họ nhìn nhận các ý t-ởng của ng-ời dân với t- cách là một ng-ời ngoài cuộc hoàn toàn. Họ ít hoặc thậm chí không quan tâm đến đời sống tâm linh, các cách tính thời gian và phán đoán thời tiết (một khía cạnh của văn hoá dân tộc) của c- dân mà họ tiếp xúc hay nghiên cứu. Do đó, việc họ không thể chấp nhận các lý giải của ng-ời dân là điều đ-ơng nhiên. Tuy nhiên, cần thấy rằng, ng-ời dân vốn từ lâu đã sống trong cộng đồng của họ, trong những môi tr-ờng sống của họ. Để tồn tại, họ đã ứng dụng các kinh nghiệm mà họ tích lũy đ-ợc vào cuộc sống hàng ngày và sản xuất. Bên cạnh đó, niềm tin vào thần linh nhiều khi giúp họ v-ợt qua rất nhiều khó khăn trong cuộc sống. Điều này cũng dễ hiểu vì nền kinh tế của họ chủ yếu dựa vào nông nghiệp - vốn tr-ớc đây phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, và hiện nay cũng vẫn phụ thuộc rất nhiều vào nó. Do đó, các kinh nghiệm phán đoán thời tiết để tiến hành sản xuất đ-ợc sử dụng khá phổ biến ở nhiều dân tộc có truyền thống nông nghiệp từ lâu đời (Malinowski. 1935; Nông Trung. 1971; Lý Hành Sơn. 1999...). Bên cạnh đó, hệ t- t-ởng và tín ng-ỡng cũng góp phần cấu thành nên và tác động đến các đặc tính của TTTT của ng-ời dân (Ahmed. 1994: 13). Điều này trùng hợp với nhận định của Rouse khi ông bàn đến một trong các đặc tính của TTTT rằng nó không nhất thiết vận hành theo vũ trụ luận của khoa học ph-ong Tây (Rouse. 1999).

Đối lập với các ý tưởng mang tính chế nhạo hệ thống tri thức của người dân, Nguyễn Văn Trùng (1994) cho rằng sự chỉ trích và gièm pha các TTĐP đã bộc lộ sự thiếu hiểu biết về nền tảng khoa học, kinh tế - xã hội và sinh thái của một cách sống, và sự nông cạn cả về tinh thần lẫn trí tuệ. Tác giả Hoàng Xuân Tý thì cho rằng, về bản chất, “không có kiến thức nào tồi”. Vấn đề là làm thế nào để sử dụng nó cho phù hợp. Kiến thức bản địa không mâu thuẫn với kiến thức hiện đại mà chúng bổ sung cho nhau nhằm đạt đến một sự bền vững tốt đẹp hơn thay vì áp dụng một cách máy móc tất cả những gì từ bên ngoài vào (Hoàng Xuân Tý. 1998: 33). Trong tự nhiên, việc sử dụng TTTT cũng có mối quan hệ với

các thuyết quản lý hiện đại đang cố gắng khuyến khích tính mềm dẻo và linh động. Các nguyên tắc quản lý hiện đại, như với các thực hành nông nghiệp địa phương, đã kết hợp vai trò của các chuyên gia và người dân sở tại (Marsden. 1994: 56).

Dựa trên những phân tích về sự khác nhau giữa tri thức “địa phương”, “truyền thống”, và “bản địa”, tôi thể hiện sự tác động qua lại của ba hệ thống tri thức này và mối quan hệ của chúng với tri thức hiện đại bằng một hình vẽ dưới đây. Tuy nhiên, tùy từng cộng đồng dân cư nông thôn mà mức độ ảnh hưởng của các hệ thống này có thể rõ ràng, mạnh mẽ và đáng chú ý hay không.

Hệ thống tri thức



Tóm lại, TTĐP được hiểu là các kiến thức, bao gồm cả TTBĐ và TTTT, đã được con người sống tại một địa bàn cụ thể tích lũy, chọn lọc và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và chịu sự tác động của kiến thức mới hay hiện đại. Để thích ứng với môi trường chuyển đổi, cả về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội, và chính trị, người dân đã tích lũy những kiến thức vốn có từ lâu đời kết hợp với việc áp dụng các kiến thức hiện đại vào cuộc sống hàng ngày của họ. Dần dần, thông qua sự kết hợp này, các kiến thức mới cũng được người dân địa phương hóa cho phù hợp với điều kiện môi trường sống của họ và trở thành các kinh nghiệm của họ. Do đó, tri thức của người dân nông thôn luôn ở trạng thái động, thay đổi thông qua sự sáng tạo và đổi mới của người dân địa phương cũng như trong mối liên hệ với các hệ thống tri thức khác. Như là một minh chứng điển hình thuyết phục về đặc tính “động” của TTĐP, các con người của nhiều vùng cao đã thay đổi phần nào cách nghĩ và hành động của họ nhằm đạt đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

2. Tri thức địa phương và người dân địa phương

Trên nguyên tắc, Mugabe gợi ý tri thức của người dân có thể thay đổi đặc tính của nó khi nhu cầu của họ thay đổi. Vì vậy, khó có thể tách TTĐP ra khỏi người dân địa phương (Mugabe. 1998: 5). Kiến thức tự nhiên cũng được đề cập đến trong một cuốn sách do Trần Quốc Vượng làm chủ biên cùng các đồng sự của ông khi họ bàn về vai trò của con người trong sự sáng tạo ra văn hóa. Theo họ, con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể của văn hóa (Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2000: 9).

Mối quan hệ giữa tri thức và người dân cũng được phản ánh trong các khái niệm về hệ thống tri thức, kể cả “bản địa”, “truyền thống”, lẫn “địa phương”. Do đó, nói đến TTBĐ cũng đồng thời nói đến người dân bản địa. Theo điều 1, khoản 2 của Công ước ILO 169, “cư dân ở các nước độc lập được coi là bản địa vì nguồn gốc của họ là từ các dân cư đã sống ở các nước đó, hay ở các

vùng địa lý mà nó trực thuộc, trong thời kỳ xâm chiếm và thuộc địa hoặc sự thiết lập các biên giới quốc gia hiện nay, những người, không kể thân phận hợp pháp nào của họ, vẫn duy trì một vài hoặc toàn bộ thể chế xã hội, kinh tế, văn hoá, và chính trị của chính họ” (Công - ước ILO 169. 1989). Tuy nhiên, nhắc đến tri thức “truyền thống” hay “địa phương” là liên đới chặt chẽ đến cư dân “truyền thống” hay “địa phương”. Ở đây, cư dân địa phương ám chỉ, không quá phức tạp như khái niệm cư dân bản địa, những người đang sinh sống tại một địa bàn cụ thể nào đó.

Như vậy, các hệ thống tri thức có mối quan hệ chặt chẽ với người dân vì, cũng như văn hoá nói chung, bản thân kiến thức không thể tự nó sinh ra. Trái lại, nó luôn là sản phẩm trí tuệ của một dân tộc, một nhóm người hay một cá nhân nào đó. Đồng thời tìm hiểu về tri thức “bản địa”, “truyền thống” hay “địa phương” cũng liên quan đến lịch sử di cư - tị nạn của người dân trong cộng đồng nghiên cứu.

3. Tri thức địa phương và bối cảnh

Con người tồn tại trong tự nhiên và do đó có mối quan hệ mật thiết với nó. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, vì vậy, là khía cạnh căn bản của văn hoá. Đó là mối quan hệ đa chiều, thích ứng, không thích ứng, và có thể thay đổi (cả về mặt tự nhiên, xã hội và bản thân con người). Xu hướng chung của con người là thích ứng với môi trường tự nhiên sẵn có và chống chọi lại một cách tự nguyện thích các thách thức do chính họ tạo ra (Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2000: 9-30). Mặc dù các điều kiện tự nhiên không quyết định quá trình phát triển của xã hội nhưng nó tác động đến việc lựa chọn những phương tiện lao động của người dân và tính độc đáo của những tập quán trong lao động (Khổng Diễn. 1995: 6).

Bên cạnh đó, con người không chỉ sống cùng tự nhiên mà còn sống cùng với nhau. Do đó, xã hội của họ được thiết lập. Họ không thể sống tách rời khỏi xã hội đó. Trong cộng đồng của họ hay các xã hội thu nhỏ của họ, văn hoá, trong đó có tri thức, đã được sinh ra, duy trì và phát triển từ đời này sang đời khác (Agrawal. 1995: 416; Rouse. 1999). Với tư cách là một đơn vị xã hội cơ bản, gia đình là môi trường văn hoá đầu tiên

cho mỗi cá nhân tiếp thu nền văn hoá của cộng đồng (Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2000: 36-41). Cùng chung quan niệm với Trần Quốc Vượng và các đồng sự của ông, Scoones và Thompson xác định vai trò vô cùng quan trọng của con người và xã hội của họ trong việc thấu hiểu, kiểm soát và sáng tạo văn hoá, kể cả TTĐP. Các tác giả cho rằng: “không có một kiến thức nào có thể tồn tại tách biệt với môi trường văn hoá, kinh tế hay chính trị... Kiến thức được xây dựng vừa mang tính xã hội, vừa mang tính chính trị; để nhận thức thấu đáo về nó thì cần có các phân tích phân biệt về mặt xã hội và sắc bén về mặt chính trị” (Scoones và Thompson. 1994: 25).

Mối quan hệ giữa TTĐP và bối cảnh xã hội - sinh thái của nó cũng được Juma (1987) chú trọng trong một nghiên cứu điểm về kiến thức của người nông dân ở Kenya. Theo ông, TTĐP về cây trồng và hạt giống của người dân có thể được hiểu tốt hơn nếu chúng ta biết rằng nó dựa trên một khoa học luận đặc biệt duy nhất của nền văn hoá của các cư dân này. Kiến thức và các thực hành của họ tiến triển cùng với thời gian như một sự thích nghi với hoàn cảnh, và những sức ép về môi trường, kinh tế - xã hội, và chính trị. Khoa học luận này cũng đã kết hợp với các niềm tin tôn giáo về các cây trồng và việc sử dụng chúng. Trong nhận thức này, tôn giáo cũng là một cách để tích lũy các nguồn giá trị (Hội thảo IDS. 1989: 33). Ahmed (1994: 13) cũng có quan điểm tương tự khi ông xem xét các bối cảnh mà TTĐP của người dân tồn tại và được tìm thấy.

Tóm lại, TTĐP và cư dân địa phương có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong khi đó, người dân cũng có mối quan hệ mật thiết và sâu sắc với môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và chính trị. Những môi trường này là không thể thiếu được đối với sự sáng tạo và phát triển văn hoá. Kết quả là, với tư cách là một khía cạnh của văn hoá, TTĐP nên được nhìn nhận như là một khối tổng thể nhằm diễn giải mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, con người và xã hội.

4. Phân loại tri thức địa phương

TTĐP gồm nhiều dạng kiến thức khác nhau. Cũng giống như TTTT, các loại TTĐP có thể được phân loại dựa trên các nhân tố kèm theo, các triển vọng và sự thực hành kiến thức, sở hữu

cá nhân hay tập thể, và tình trạng hợp pháp của nó. TTĐP bao gồm các thông tin của con người về thế giới, vũ trụ luận và đời sống tâm linh, kể cả việc áp dụng thuật phù phép (Geertz. 1975, 1983, 1993; Evans-Pritchard. 1993; Lý Hành Sơn. 2003), và về chủ nghĩa l-ỡng tính (Edgertons). Các kiến thức này th-ờng gắn liền với bối cảnh mà họ xuất hiện và tồn tại. Chẳng hạn nh- các thực hành phù phép liên quan đến sự chữa bệnh ma thuật hoặc các nghi lễ về thu thập và sử dụng cây thuốc. Các khía cạnh văn hoá và tôn giáo của thuật phù phép cũng đ-ợc bàn đến trong nhiều ấn phẩm khác (Evans. 1993; Helman. 1990; và Brown cùng các đồng sự. 1997).

Ngô Đức Thịnh (1994) phân loại TTĐG của các dân tộc thành bốn loại sau: (1) Tri thức về tự nhiên và môi tr-ờng; (2) Tri thức về loài người; (3) Truyền thống và sản xuất; và (4) Tri thức về quản lý cộng đồng và xã hội. Sự phân loại này chịu ảnh h-ởng của các nhà khoa học Liên Xô cũ (Phạm Quang Hoan. 1999: 43). Theo một cách khác, Hoàng Xuân Tý cho rằng khái niệm về TTĐĐ bao gồm rất nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến nông lâm nghiệp, quản lý tài nguyên thiên nhiên và cộng đồng (1998: 11). Warren cho rằng mỗi xã hội có sự đa dạng các loại hệ thống kiến thức; một vài trong số đó liên quan đến môi tr-ờng tự nhiên và vật thể (chẳng hạn nh- cách phân loại đất), một số liên quan đến môi tr-ờng nhận thức và quan niệm, và số khác thì liên quan đến môi tr-ờng xã hội (nh- các hệ thống dòng họ) (Warren. 1989: 1). Trong một nghiên cứu khác, Warren sử dụng thuật ngữ tri thức kỹ thuật bản địa để giới hạn khía cạnh của TTĐĐ. Theo ông, hệ tri thức này gồm các kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, quản lý rừng và các tài nguyên cộng đồng, dinh d-ỡng và sức khoẻ con người, việc quản lý cộng đồng và việc truyền kinh nghiệm cho thế hệ trẻ (trích dẫn theo Hoàng Xuân Tý. 1998: 12-14). Phạm Quang Hoan chỉ ra rằng có các cấp độ khác nhau của TTĐP. Theo ông, “TTĐP” (hay “TTĐĐ” hoặc “tri thức tộc người”) liên quan đến tất cả các kiến thức, các kinh nghiệm mà một nhóm dân tộc đã tích lũy, lựa chọn và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những kiến thức nh- vậy đã phản ánh các khía cạnh khác nhau của đời sống cộng đồng và

làm cho mỗi dân tộc có thể tồn tại, phát triển và thích ứng với người thay đổi trong quá khứ và hiện tại. Mặt khác, TTĐP còn là một kiểu phản hồi, ứng xử và khả năng thích nghi của một dân tộc đối với môi tr-ờng sinh thái và con người...” (Phạm Quang Hoan. 1999: 43).

Ngoài các lĩnh vực trên, tri thức về việc sử dụng cây cối nh- cây thuốc (Correa. 2001; Nông Trung. 1971; Trần Hồng Hạnh. 1996, 2000a, 2000b, 2002; Lý Hành Sơn. 1999...), hoặc nh- việc bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông lâm nghiệp bền vững (Watson và Eyzaguirre (chủ biên). 2002; Bunning và Hill. 1996; Tajahjadi. 1998; Warren. 1992; Sobey (chủ biên). 1997; FAO. 1998a, 2003b; Rusgiarto. 2002) cũng đ-ợc đặc biệt quan tâm.

□ những n-ớc đang phát triển, các thực hành nông nghiệp của người dân nông thôn và các kiến thức liên quan đến vấn đề này rất phong phú và đa dạng. Những kiến thức này đ-ợc đề cập khá phổ biến trong các nghiên cứu về nạn đói, sự nghèo nàn và phát triển (Chambers, Pacey, và Thrupp (chủ biên) 1989; Scoonse và Thompson (chủ biên). 1994; Akhter. 2001; FAO. 1990, 2000a; Garforth. 2001; Polestico, Quizon, và Hildemann. 1998; Trần Bình. 2001). Một khía cạnh khác của TTĐP về các thực hành nông nghiệp là sự phân loại và sử dụng đất. Để thảo luận về sự đổi mới và TTĐP của các nông dân ở các n-ớc thuộc thế giới thứ ba, nhiều bình luận của các nhà khoa học về TTĐP đều liên quan đến các hệ thống phân loại cây trồng và đất đai của người nông dân. C- dân địa ph-ong sử dụng nhiều sự phân loại trong các phân khác nhau của thế giới để mô tả các loại đất, phong cảnh, cây trồng, các loài thực vật hoang và các nguồn tài nguyên khác. Cách phân loại và đặt tên của người dân th-ờng khác cách mà các nhà khoa học thực hiện (Hội thảo IDS. 1989: 31; Bùi Minh Đạo. 1999; Trần Bình. 2001).

Nhìn chung, TTĐP liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau của cuộc sống con người, từ quá trình sản xuất nông nghiệp, các kỹ thuật, đến đời sống tâm linh và nghệ thuật của các c- dân địa ph-ong. TTĐP có thể đ-ợc sở hữu bởi một cá nhân, hoặc một vài thành viên hay tất cả các thành viên của một nhóm người (kiến thức thông

th- ờng hay kiến thức phổ biến) (Correa. 2001: 4). Điều này cũng t- ơng tự nh- ba lĩnh vực ch- ồng chéo của chăm sóc sức khoẻ: đại chúng, dân gian, và chuyên nghiệp mà Kleinman đề xuất (1980). T- ơng quan với ba lĩnh vực này, có ba loại kiến thức: đại chúng, dân gian và chuyên nghiệp (xem: Helman. 1990: 55).

Theo quan điểm của tôi, chúng ta không nên quá đề cao hay đánh giá thấp bất kỳ hệ tri thức nào, hiện đại hay địa ph- ơng, bởi vì mỗi hệ thống đều có những - u điểm và nh- ợc điểm của nó. Chúng ta nên đánh giá một cách khách quan các đặc tính của nó, cả mặt tích cực lẫn tiêu cực. Các nỗ lực hiện đại hoá TTĐP có thể hạ thấp giá trị của nó. Tuy nhiên, cũng cần thiết phải nhìn nhận những hạn chế của TTĐP nhằm giúp tạo ra quan điểm cân bằng về hệ tri thức này, sự đổi mới của ng- ời dân địa ph- ơng và những triển vọng của họ. Bên cạnh đó, với t- cách là một phần của các hệ thống văn hoá, không có một tri thức nào là nghiêm nhiên cao hơn một tri thức khác bởi vì không có một nền văn hoá nào đ- ơng nhiên cao hơn một nền văn hoá khác. Bên cạnh đó, các kiến thức của ng- ời dân phản ánh khả năng thích ứng cao với điều kiện môi tr- ờng tự nhiên cũng nh- phù hợp với tập quán và xã hội của họ. Việc kết hợp các kiến thức địa ph- ơng với các kiến thức kỹ thuật hiện đại là một giải pháp tốt, cần thiết và thích đáng để đ- a lại tính hiệu quả cao cho các dự án phát triển ở vùng nông thôn và miền núi.

Tài liệu tham khảo

Agrawal, Arun. 1995, *Dismantling the Divide Between Indigenous and Scientific Knowledge*, Development and Change, Volume 26, No. 3: 413-439.

Ahmed, M.M. 1994, *Indigenous Knowledge for Sustainable Development in the Sudan*, Khartoum: Khartoum University Press.

Akhter, Farida. 2001, *Resisting "Technology" and Defending Subsistence in Bangladesh: Nayakrishi Andolon and the Movement for a Happy Life*, trong: *There is an alternative: subsistence and worldwide resistance to corporate globalization*, do Veronika Bennholdt-Thomsen, Nicholas Faraclas, và Claudia von Werlhof chủ biên, North Melbourne, Victoria: Spinifex Press.

Ambler, John. 1996, *Experiences for study of mountain development: Some general characteristics from Asia*, in the workshop on appropriate use for sustainable mountain management in Vietnam, do Lê Trọng Cúc, Đào Trọng Hùng, Trần Đức Viên làm chủ biên, Hà Nội: CRES và HUAF, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Brown, Peter; Timajchy, Kendra Hatfield; và Hu, Jun. 1997, "Medical anthropology", trong: *Blackwell Dictionary of Anthropology*, do Thomas J. Barfield chủ biên, Oxford: Basil Blackwell: 316-318.

Brush, Stephen B. 1996, *Valuing local knowledge: indigenous people and intellectual property rights*, Washington D.C.: Island Press.

Bùi Minh Đạo. 1999, *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Bunning, Sally và Hill, Catherine. 1996, *Farmers' Rights in the Conservation and Use of Plant Genetic Resources: A Gender perspective*. FAO, Rome.

Chambers, Robert; Pacey, Arnold; và Thrupp, Lori Ann (chủ biên) 1989, *Introduction*, trong: *Farmer first: Farmer innovation and agricultural research*, Intermediate Technology Publications: xvii-xx.

Công - ớc ILO 169, *Indigenous and Tribal Peoples Convention*, 5/9/1989.

Correa, Carlos M. (2001), *Traditional Knowledge and Intellectual Property. Issues and options surrounding the protection of traditional knowledge*. Quaker United Nations Office Geneva. [<http://hostings.diplomacy.edu/quaker/new/doc/tkcol3.pdf> 18.07.2003].

Elwert, Georg và Séhouéto, Lazare. 1999, *Local Knowledge and the Improvement of Food Production - A Case Study in Bénin*, trong: Uwe Kracht và Manfred Schulz (chủ biên), *Food Security and Nutrition: The Global Challenge*. Muenster: LIT VERLAG: 237-251.

Evans, Grant (chủ biên). 1993, *Asia's Cultural Mosaic - An Anthropological Introduction*, Singapore: Prentice Hall.

FAO. 1990, *Women in Agricultural Development, Gender Issues in Rural Food Security in Developing Countries*. Rome.

FAO. 1998, *Sustaining agricultural biodiversity and agro-ecosystem functions*. Báo cáo trình bày tại Hội thảo Công nghệ Quốc tế do Tổ chức L- ơng thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc và Ban th- ký Bảo tồn Đa dạng Sinh học đồng tổ chức với sự tài trợ

của chính phủ Hà Lan, 2-4/12/1998. Trụ sở chính của FAO, Rome, Italy.

FAO. 2000, *Conflicts, agriculture and food security*.

[<http://www.fao.org/docrep/x4400e/x4400e07.htm> 12.04.2003].

FAO. 2003, *LinKS Project - Gender, biodiversity and local knowledge systems for food security*.

Garforth, Chris. 2001, *Agricultural knowledge and information systems in Hagaz, Eritrea*. FAO.

Geertz, Clifford. 1975, *Common Sense as a Cultural System*. *Antioch Review*, 33: 47-53.

Geertz, Clifford. 1993a, *Local knowledge: Further essays in interpretive anthropology*. FontanaPress - An Imprint of HarperCollins Publisher.

Geertz, Clifford. 1993b, "Local Knowledge" and Its Limits: *Some Obiter Dicta*. *The Yale Journal of Criticism*, 5: 129-135.

Helman, Cecil G. 1990, *Culture, Health and Illness: An Introduction for Health Professionals*. Tái bản lần thứ hai. Nhà xuất bản Wight.

Hoàng Xuân Tý. 1998, *Phần I: Các khái niệm và vai trò của kiến thức bản địa*, trong sách: Trung tâm nghiên cứu sinh thái và môi trường rừng (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp: 11-52.

Hội thảo IDS. 1989, *Farmers's knowledge, innovation, and relation to science*, trong: Robert Chambers, Arnold Pacey, và Lori Ann Thrupp (chủ biên), *Farmer First: Farmer Innovation and Agricultural Research*. Intermediate technology Publications: 31-38.

Jamieson, Neil L.; Lê Trọng Cúc, và Rambo, Terry. 1998, *The Development Crisis in Vietnam's Mountains*. Honolulu: East-West Center, Special Reports, No. 6.

Keyes, Charles F. 1999, *Approach To The Study Of Indigenous Knowledge System: Some Preliminary Thoughts*, Báo cáo trình bày tại hội thảo đào tạo giữa Việt Nam và Thái Lan về phương pháp nghiên cứu nhân học được tổ chức tại trường đại học Khoa học Xã hội Chiang Mai, Thái Lan.

Khổng Diễn. 1995, *Dân số và dân số tộc ng-ời ở Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Kleiman, Arthur. 1980, *Patients and healers in the Context of Culture: An Exploration of the*

Borderland between Anthropology, Medicine, and Psychiatry. California University Press.

Lê Trọng Cúc. 1996, *The role of local knowledge to sustainable highlands development*, in: *Agriculture on sloping lands: challenges and potential*, do Trần Đức Viên và Phạm Chí Thanh làm chủ biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Laungaramsri, Pinkaew. 2001, *Karen Ecological Knowledge and the Challenge to the Modern Conservation Paradigm*, Chennai: Earthworm Books.

Lévi-Strauss, Claude. 1979, *Myth and Meaning*, New York: Schocken Books.

Lý Hành Sơn. 1999, *Ch-ong VIII: Tri thức dân gian*, trong: Phạm Quang Hoan và Hùng Đình Quý (chủ biên), *Văn hoá truyền thống ng-ời Dao ở Hà Giang*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.

Lý Hành Sơn. 2003, *Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời ng-ời của nhóm Dao Tiền ở Ba Bể, Bắc Kạn*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Malinowski, Bronislaw. 1935, *Coral Gardens and Their Magic - A Study of the Methods of Tilling the Soil and of Agricultural Rites in the Trobriand Islands*, London: George Allen and Unwin Ltd. Ruskin House, England.

Marsden, David. 1994, *Indigenous management and the management of indigenous knowledge*, trong: *Beyond Farmer First: Rural People's Knowledge, Agricultural research and extension practice*, do Ian Scoones và John Thompson chủ biên với lời tựa của Robert Chambers. Intermediate Technology Publications: 52-57.

Mugabe, John. 1998, *Intellectual Property Protection and Traditional Knowledge: An Exploitation in International Policy Discourse*. Báo cáo trình bày tại Hội thảo do tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) tổ chức, Geneva, Switzerland. [<http://www.acts.or.ke/paper%20-%20intellectual%20property.htm> 18.07.2003].

Nông Trung. 1971, *Ch-ong bảy: Văn hoá nghệ thuật và tri thức dân gian*, trong: Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung và Nguyễn Nam Tiến, *Ng-ời Dao ở Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội: 294-327.

Ngô Đức Thịnh. 1995, *Folk knowledge and development*, Hà Nội: Bài giảng tại khóa đào tạo được tổ chức tại CRES.

Nguyễn Văn Tr-ờng. 1994, *An approach to concept of mountain development of natural*

resources in Vietnam at commune and village levels, Báo cáo hội thảo tại Hà Nội, 14-16/10, 1994.

Phạm Quang Hoan. 1999, *Local knowledge on natural resource management of ethnic minorities in Vietnam*, Hà Nội: Vietnam Social Sciences, số 3: 41-57.

Polestico, Rachel V.; Quizon, Antonio B. và Hildemann, Peter. 1998, *Agrarian Reform in the Philippines: Status and perspectives for 1998 and beyond*. German Agro Action, Adenaueralle 134, 53113 Bonn, Đức và Viện Tái thiết Nông thôn Quốc tế, Y.C. James Yen Center, Silang, Cavite, Philippines.

Poltanee, Anan. 1992, *Framer as Scientist: Bringing Farmer Knowledge for Researchers*. In J. Mc. Kinnings, Maginalization in Thailand.

Richards, Paul. 1985, *Indigenous Agricultural Revolution: ecology and food production in West Africa*, London: Hutchinson, Great Britain.

Rouse, Jonathan. 1999, *Global Dissemination of Indigenous Knowledge - Contradiction, or the Way Forward?*, trên trang Homepage: http://www.worldbank.org/afr/ik/global_1k99061.htm

Rusgiarto, Sascha. 2002, „Biopiraterie“ versus traditionelles Wissen - Ist ein Interessenausgleich zwischen transnationalen Unternehmen und Entwicklungslandern möglich?. Luận văn thạc sĩ. Cũng có thể tìm thấy trên trang Homepage: [<http://www.dipl-rus.de.vu>]

Scoones, Ian và Thompson, John. 1994, *Knowledge, power and agriculture - towards a theoretical understanding*, trong: *Beyond Farmer First: Rural peoples knowledge, agricultural research and extension practice*, do Ian Scoones và John Thompson chủ biên với lời tựa của Robert Chambers. Intermediate Technology Publications: 16-32

Sobey, R.T. (chủ biên). 1997, *Biodiversity Value of Hoang Lien Mountains and Strategies for Conservation*, Kỷ yếu Tạo đăm và Hội thảo, 7-9/2/1997, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam; SEE Ch-ong trình nghiên cứu rừng, London (ISBN 1873070 13 6).

Tajahjadi, Riza V. 1998, *Indonesia: Situation for Assessing Sui generis Options*. Báo cáo quốc gia. Jakarta: PAN Indonesia.

Trần Bình. 2001, *Tập quán hoạt động kinh tế của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.

Trần Hồng Hạnh. 1996, *Nghề thuốc cổ truyền ở làng Nghĩa Trai (tỉnh Hải H-ng)*, Luận văn tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Dân tộc học.

Trần Hồng Hạnh. 2000a, *The Prevention and Cure of Disease among the Dao Quan Chet (In some hamlets in Da Bac district, Hoa Binh province, Vietnam)*, Vietnam Social Sciences, số 6 (80): 52-74.

Trần Hồng Hạnh. 2000b, *Y học cổ truyền của ng-ời Dao Quân Chet ở xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình*, Luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Dân tộc học.

Trần Hồng Hạnh. 2002, *Tri thức địa ph-ong trong sử dụng thuốc nam của ng-ời Dao Đỏ (qua nghiên cứu ở xã Tá Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai)*, Tạp chí Dân tộc học số 5: 23-30.

Trần Quốc V-ong (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bên, Lâm Mỹ Dung và Trần Thuý Anh. 2000, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Tái bản lần thứ hai, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Warren, Dennis Michael. 1989, *Introduction*, trong: Richards, Paul; Slikkerveer, L. Jan; and Philips, Adedotun O. (1989), *Indigenous Knowledge Systems for Agriculture and Rural Development: The CIKARD Inaugural Lectures*, Studies in Technology and Social Change, No. 13; Iowa State University Research Foundation: 1-3.

Warren, Dennis Michael. 1992, *Indigenous knowledge, biodiversity conservation and development*. Bài phát biểu chính tại Hội thảo Quốc tế về Bảo tồn đa dạng sinh thái ở Châu Phi: Các thể chủ động của địa ph-ong và vai trò của các tổ chức. Nairobi, 30/8 - 3/9/1992.

Warren, Dennis Michael. 1995, *The cultural dimensions of development, indigenous development system*, Leiden.

Watson, J.W. và Eyzaguirre, P.B. (chủ biên). 2002, *Home garden and in situ conservation of plant genetic resources in farming systems*, Kỷ yếu hội thảo V-òn nhà Quốc tế lần thứ hai, 17-19/7/ 2001, Witzhausen, Cộng hoà liên bang Đức, Viện Nguồn gen Thực vật Quốc tế (IPGRI), Rome.

WIPO /GRTFK/3/9. 2002, *Traditional Knowledge - Operational Terms and Definitions*, 20 May 2002.

WIPO. 2000, *Fact-finding Missions on Intellectual Property and Traditional Knowledge (1998-1999)*. Bản thảo đ- a ra để bình luận, 3/7/2000.